

KẾ HOẠCH NĂM 2025
Xã Ba Đình, tỉnh Quảng Ngãi

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	KH 2025/ TH 2024 (%)	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU					
1	Nông nghiệp					
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	3.522	3.463	98,3	
	Trong đó: + Lúa	Tấn	3.490	3.422	98,0	
	+ Ngô	Tấn	32	41	128,7	
	- Một số cây trồng chủ yếu					
	+ Lúa: Diện tích	Ha	594	585	98,4	
	Năng suất	Tạ/ha	58,7	58,5	99,6	
	Sản lượng	Tấn	3.490	3.422	98,0	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	7	9	128,6	
	Năng suất	Tạ/ha	45,6	45,6	100,1	
	Sản lượng	Tấn	32	41	128,7	
	+ Lạc: Diện tích	Ha		3		
	Năng suất	Tạ/ha		22,3		
	Sản lượng	Tấn		7		
	+ Đậu: Diện tích	Ha	1	1	114,9	
	Năng suất	Tạ/ha	17,8	16,0	90,0	
	Sản lượng	Tấn	2	2	103,2	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	15	14	90,9	
	Năng suất	Tạ/ha	165,0	165,0	100,0	
	Sản lượng	Tấn	254	231	90,8	
	+ Rau: Diện tích	Ha	9	9	92,9	
	Năng suất	Tạ/ha	65	49,0	75,7	
	Sản lượng	Tấn	59	42	70,4	
	- Đàn gia súc:					
	+ Đàn trâu	Con	3.322	3.322	100,0	
	+ Đàn bò	Con	500	500	100,0	
	Tỷ trọng bò lai	%	55,0	55,0		
	+ Đàn lợn	Con	3.350	3.400	101,5	
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	379	472	124,5	
2	Lâm nghiệp					
	- Trồng mới rừng tập trung	Ha	964	905	93,9	
	Trong đó: + Trồng rừng phòng hộ	"	-	-		
	+ Trồng rừng sản xuất	"	964	905	93,9	
	- Diện tích rừng trong Quy hoạch 3 loại rừng	Ha	6.876,3	6.863,5	99,8	
	Trong đó: + Rừng phòng hộ	"	2.297	2.292	99,8	
	+ Rừng sản xuất	"	4.579,7	4.571,1	99,8	
3	Thủy sản					
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	2,0	7,0	350,0	

	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	0,7	0,6	85,7	
	<i>Trong đó: Tôm nuôi</i>	Tấn				
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	1,3	1,0	76,9	
	<i>Trong đó: Nuôi tôm</i>	"				
4	Thủy lợi					
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	644	625	97,1	
	<i>Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố</i>	"	644	625	97,1	
B	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
I	Giáo dục và đào tạo					
1	Giáo dục mầm non công lập	Cháu	273	285	104,4	
2	Giáo dục phổ thông công lập					
	- Tiểu học	Học sinh	441	551	124,9	
	- Trung học cơ sở	"	399	500	125,3	
II	Y tế					
1	Dân số trung bình	Người	6.216	7.097	114,2	
III	Lao động, việc làm, giảm nghèo					
1	Tổng số hộ	Hộ	2.010	2.033	101,1	
2	Số hộ nghèo	"	377	113	30,0	
3	Số hộ nghèo giảm trong năm	"	148	264	178,4	
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia	%	18,76	5,56		